

BÙI THỊ ÁNH VÂN<sup>(\*)</sup>

## SỰ THAY ĐỔI TRONG ĐỜI SỐNG TÔN GIÁO Ở CAMPUCHIA TRƯỚC VÀ SAU THẾ KỶ XIII

**Tóm tắt:** Ngay những năm đầu Công nguyên, đất nước Chùa Tháp đã chịu ảnh hưởng khá sâu sắc bởi văn hóa Ấn Độ. Phật giáo Đại thừa và Bà La Môn giáo là hai tôn giáo thống lĩnh đời sống chính trị - văn hóa của người Khmer. Tuy nhiên, từ thế kỷ XIII, tình hình đã khác. Phật giáo Nguyên thủy bằng cách riêng của mình, đã thay thế hai tôn giáo này và đóng vai trò quốc giáo ở Campuchia từ đó cho đến nay.

**Từ khóa:** đời sống tôn giáo Campuchia, Phật giáo Đại thừa, Phật giáo Nguyên thủy, Bà La Môn giáo, Ấn Độ giáo.

### 1. Đời sống tôn giáo ở Campuchia trước thế kỷ XIII

Phật giáo Đại thừa và Bà La Môn giáo cùng được truyền bá vào Campuchia vào khoảng đầu Công nguyên. G. Coedès cho rằng, Phật giáo đã xuất hiện tại Đông Nam Á và Campuchia trước khi Bà La Môn giáo xác lập được chỗ đứng<sup>(1)</sup>. Như vậy, thời gian xuất hiện Phật giáo Đại thừa ở Campuchia và Đông Nam Á vẫn còn có những ý kiến trái chiều. Dù vậy, đã có một số lượng lớn tượng Phật thuộc phong cách Amaravati gắn liền với các di chỉ khảo cổ sớm thể hiện ảnh hưởng của Ấn Độ. Trong tác phẩm *Thuộc địa Xiêm của Ấn Độ*, Nath Bose đã phản ánh vai trò của nhiều tín đồ Phật giáo hoàng pháp sang phía Đông. Cùng với tín đồ Bà La Môn giáo, những Phật tử này là các nhà truyền giáo. Dòng người sùng mộ này đến từ Ấn Độ đã khuyến khích một sự đối lưu mạnh hơn nhiều từ phía nhà sư bản xứ đi sang viếng thăm thánh địa của Phật giáo và các tự viện Ấn Độ nổi tiếng. Họ thường lưu lại đó rất lâu. Nath Bose cho rằng, Phật giáo có sức hấp dẫn dân chúng mạnh mẽ hơn nhiều so với Ấn Độ giáo (vốn được coi là một học thuyết bí truyền của các bậc thầy truyền lại cho học trò) và được giới hạn trong đẳng cấp Bà La Môn<sup>(2)</sup>.

---

\*. Trường Đại học Nội vụ Hà Nội.

Cùng với Ấn Độ giáo, Phật giáo có vai trò quan trọng trong đời sống ở vương quốc Chùa Tháp. Những người theo Phật giáo Đại thừa tôn sùng nhiều Đức Phật giống như thần thánh và còn thêm vào đó một loại “thần” khác là Bồ tát (Bodhisattva), người đã đạt được giải thoát nhưng vẫn ở lại trần gian nhằm giúp chúng sinh giác ngộ. Bồ tát thậm chí có thể đáp lại những lời cầu nguyện của Phật tử. Để hỗ trợ cho thuyết này, người ta nói rằng, Đức Phật cũng đã trải qua một chuỗi kiếp sống trước như Bồ tát. Trong suốt các kiếp đó, Đức Phật đã thực hiện nhiều hành vi thể hiện lòng từ bi.

Theo D.G.E. Hall, Bồ tát được tôn sùng nhất ở Đông Nam Á là Quán Thế Âm (Avalokitesvara), vị “thần” từ trên cao nhìn xuống đã lấy tên để tô điểm cho nhiều ngọn tháp của đền thờ Bayon tại Angkor Thom. Vị thần này luôn tỏ lòng thương xót đối với nhân loại đau khổ. Trong nghệ thuật, người ta thể hiện nhân vật Phật giáo này bằng cách mang trên búi tóc của mình hình ảnh của Đức Phật A Di Đà (Amithaba). Phật giáo Đại thừa đã ăn sâu vào ma thuật và văn chương bình dân cư dân Đông Nam Á nói chung, cư dân Campuchia nói riêng<sup>(3)</sup>.

Trong thời kỳ Angkor, Phật giáo đã phát triển hết sức rộng rãi và chiếm ưu thế tuyệt đối. Do quốc vương tin theo Phật giáo, nên Angkor thời bấy giờ có thể coi là trung tâm của Phật giáo Đại thừa. Trong các thế kỷ IX - X, Bà La Môn giáo chiếm ưu thế. Vua Jayavarman V (968 - 1001) của Đế chế Khmer là người có học thức rộng và chịu nhiều ảnh hưởng của thầy dạy học người Bà La Môn là Yajñavarāha. Bà La Môn giáo là tôn giáo của triều đình và các quan đại thần. Nhà vua cho phép xây cất nhiều đền thờ thần Siva. Nhưng Phật giáo được chính nhà vua Jayavarman V bảo trợ và chỉ định Bộ trưởng Kirti, là một Phật tử, dựng lại những pho tượng Phật bị đổ vỡ. Nhà vua cũng cho mua các kinh sách Phật giáo Đại thừa từ ngoại quốc. Nguyễn Thế Anh cho rằng, hình như nhà vua đã đặt Đức Phật vào hàng các vị thần của Bà La Môn giáo và đã cố gắng hòa giải nghi thức của hai tôn giáo này<sup>(4)</sup>.

Vị vua tiếp theo là Suryavarman (1010 - 1050), được khẳng định chắc chắn là vua Khmer thứ nhất theo Phật giáo Đại thừa. Ông đã cho sửa chữa, tu bổ nhiều ngôi đền bị đốt hoặc bị đổ nát ở thời kỳ đầu Angkor là kinh đô Yasodharapura. Thời vua Udayadityavarman II (1050 - 1066), sự xây cất đền Baphnom được hoàn thành, trên đỉnh đặt một linga để vương bằng vàng. Ngoài ra, phía Tây trung tâm Angkor, Udayadityavarman II

cho đào một hồ nước dài 8km, rộng 2,2km. Ở giữa hồ nước này, trên một hòn đảo, người ta dựng một ngôi đền với một pho tượng khổng lồ bằng đồng tượng trung thần Visnu nằm ngủ trên mặt nước. Mục đích tạo ra hồ nước này không chỉ vì lý do tôn giáo, mà còn để điều hòa hệ thống dẫn thủy nhập điền vào mùa khô hạn.

Dưới thời vua Jayavarman VII (1181 - 1218), Phật giáo Đại thừa được xem là quốc giáo. Phần lớn người Khmer đều theo Phật giáo Đại thừa, nhà sư được nhân dân rất kính trọng và được miễn các nghĩa vụ đối với Nhà nước. Con trai tuổi thiếu niên thường đi tu ở chùa, nhưng có thể cởi cà sa bất kỳ lúc nào và trở về nhà. Người dân Khmer có nghĩa vụ cung cấp một số của cải, vật chất cho nhà chùa và xem đây là một nghĩa vụ thiêng liêng, một hành động cao quý và chuẩn mực. Mỗi phum sóc thường có ít nhất một ngôi chùa với quy mô vừa phải, trở thành trung tâm sinh hoạt tôn giáo.

## **2. Đời sống tôn giáo ở Campuchia từ sau thế kỷ XIII**

Đến giữa thế kỷ XII, Phật giáo Đại thừa và Ấn Độ giáo đã mờ nhạt dần ở vương quốc Chùa Tháp. Từ cuối thế kỷ XII đến đầu thế kỷ XIII, Phật giáo Nguyên thủy đã được người Môn ở Myanmar tiếp nhận và bước đầu du nhập vào Đông Nam Á. Nhưng phải đến cuối thế kỷ XIII, đầu thế kỷ XIV, hệ phái Phật giáo này mới xác lập được vị trí trong đời sống của cư dân nơi đây. Đó là lúc người Thái từ Vân Nam (Trung Quốc) di cư xuống vùng Đông Nam Á đã tiếp nhận Phật giáo Nguyên thủy và truyền bá hệ phái Phật giáo này ở những vùng mà họ định cư. Từ đó, Phật giáo Nguyên thủy đã lan rộng ra vùng Đông Nam Á, nhất là Myanmar và Thái Lan. Những hoạt động này đã khiến G. Coedès phải thốt lên: “Người Thái luôn là những người đồng hóa lỗi lạc”<sup>(5)</sup>.

Trong thời gian vua Jayavarman VIII trị vì (cuối thế kỷ XIII), người Thái đã giành quyền kiểm soát một phần lãnh thổ Chân Lạp, gồm hầu hết các vùng ngày nay là vương quốc Thái Lan. Người Thái đã đến vương quốc Chùa Tháp và tích cực truyền bá Phật giáo Nguyên thủy. Do vậy, Phật giáo Nguyên thủy đã bám rễ và ngày càng phát triển mạnh mẽ ở Chân Lạp. Sự thay đổi này là một trong những nhân tố làm sụp đổ nền văn hóa cũ vốn là nền tảng sự vĩ đại của Đế chế Angkor<sup>(6)</sup>.

Quốc vương Chân Lạp Indravarman III (1295 - 1308) theo Phật giáo Nguyên thủy. Ông là vị vua đầu tiên dùng tiếng Nam Phạn (Pali) của Phật

giáo để thay thế tiếng Bắc Phạn (Sanskrit) của Bà La Môn giáo trên các bia đá. Vua Indravarman III thường xuyên làm từ thiện, cung cấp ngân sách cho một số cơ sở thờ tự Phật giáo, nhất là vào giai đoạn cuối triều đại của mình<sup>(7)</sup>.

Phật giáo Nguyên thủy ngày càng chiếm ưu thế trên đất nước Angkor và đẩy Bà La Môn giáo vào nơi ẩn náu cuối cùng là triều đình và hoàng gia. Còn ở ngoài xã hội, như Chu Đạt Quan mô tả trong cuốn sách nổi tiếng *Chân Lạp phong thổ ký*, khi đến đây cùng đoàn sứ bộ triều Nguyên vào những năm 1295 - 1296, thì phum sóc nào cũng có chùa tháp, mọi người dân đều tôn thờ Đức Phật. Nhà vua cũng thường xuyên đi lễ Phật ở một ngôi chùa bằng vàng, với những pho tượng Phật bằng vàng<sup>(8)</sup>.

Nếu như Bà La Môn giáo và Phật giáo Đại thừa được áp đặt từ trên xuống, thì Phật giáo Nguyên thủy truyền bá mạnh mẽ và lôi kéo được hầu hết người dân Chân Lạp. Có thể nói, từ cuối thế kỷ XII đến đầu thế kỷ XIII, người Khmer theo Phật giáo Nguyên thủy ngày một nhiều. Bởi lẽ, hệ phái Phật giáo này không gây ra những phiền hà, tốn kém cho người dân. “Phật giáo Nguyên thủy làm hủy hoại sự phồn thịnh của các tục thờ cúng quý tộc, nhằm tập hợp dân chúng để sùng bái đức vua và các đại thần”<sup>(9)</sup>.

Sau vua Indravarman III (1295 - 1308), người ta biết rất ít về các vị vua kế vị tiếp theo là Indravarman (1308 - 1327) và Jayavarman Paramesvara (1327 - 1336). Có hai luồng ý kiến giải thích khác nhau về vấn đề này. Theo D.G.E. Hall, hình như nhà vua và triều đình đã bắt đầu chuyển theo Phật giáo Nguyên thủy. Đây là lý do giải thích vì sao Pali đã trở thành ngôn ngữ chính cùng với việc bỏ sự tôn thờ Deva - Raja (Vua - Thần), người ta đã bỏ tập quán đề cao những thành tựu của vua bằng các bài thơ tiếng Phạn được khắc vào đá<sup>(10)</sup>. Trong khi đó, một số ý kiến khác lại khẳng định, dưới thời vua Indravarman, triều đình Chân Lạp đã trở lại với Siva giáo, tu sĩ Bà La Môn giáo lại có nhiều ảnh hưởng đối với nhà vua. Vị vua kế tiếp Jayavarman IX Paramesvara đã cố gắng phục hưng Ấn Độ giáo bằng cách đàn áp các Phật tử và phá hủy nhiều tượng Phật. Thái độ của quốc vương đối với Phật giáo đã gây nên nhiều cuộc nổi loạn tôn giáo trong nước, trong khi chiến tranh đang tái diễn với vua Thái. G. Coedès khẳng định, bối cảnh Chân Lạp đương thời đã tạo cho người đứng đầu vương quốc Thái có cơ hội viện cớ bảo vệ Phật giáo Nguyên thủy để xâm nhập vào lãnh thổ đất nước Chùa Tháp<sup>(11)</sup>. L. A. Xê

- đóp đồng quan điểm với G. Coedès khi cho rằng: “Phật giáo Nguyên thủy do người Môn từ La Vô và người Thái đưa vào Chân Lạp và trong suốt thế kỷ XIII trở thành thống soái”<sup>(12)</sup>.

Qua đối chiếu, so sánh tài liệu nghiên cứu về các quốc gia Đông Nam Á lục địa<sup>(13)</sup>, chúng tôi cho rằng, sự phát triển trở lại của Phật giáo Nguyên thủy ở Chân Lạp đầu thế kỷ XIV, từ thời vua Indrayavarman đã gắn liền với vai trò của người Thái chứ không hoàn toàn do chủ định của triều đình Angkor. Hình thức tôn giáo Vua - Thần vốn từ lâu là chỗ dựa tinh thần vững chắc cho giai cấp thống trị Chân Lạp. Do đó, họ không thể dễ dàng từ bỏ hình thức tôn giáo này để theo Phật giáo Nguyên thủy. Hơn nữa, những giáo lý và những quy định của Phật giáo Nguyên thủy thực sự không phù hợp với sự tham lam của nhà cầm quyền, muốn sử dụng nó làm công cụ thống trị và bóc lột nhân dân. Người Thái vào Campuchia và Myanmar, dưới ngọn cờ dân chủ, đã sử dụng Phật giáo Nguyên thủy để lôi kéo quần chúng theo mình, chống lại giai cấp quý tộc Khmer, Miên. Điều này góp phần đưa đến sự truyền bá rộng rãi của hệ phái Phật giáo này trong quảng đại quần chúng nhân dân Khmer từ các vị vua sau Indravarman III.

Bằng những ưu thế hơn hẳn hình thức tôn giáo Vua - Thần, từ thời vua Chay (1336 - 1340) trở đi, Phật giáo Nguyên thủy trở thành tôn giáo chính thức của vương triều Angkor. Các đền đài Bà La Môn giáo không còn được xây cất, chỉ còn các ngôi chùa được dựng lên với những vật liệu nhẹ. Nhà vua từ bỏ danh hiệu Varman, sự thờ cúng Vua - Thần được phế bỏ, tiếng Bắc Phạn không còn được dùng trong các ghi chép nữa, trong khi tiếng Nam Phạn được dùng trong thờ cúng. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này chủ yếu vì người Khmer đã phải cùng lúc tiến hành chiến tranh với người Thái và vì áp lực của Phật giáo Nguyên thủy<sup>(14)</sup>. Điều đó đã đưa đến sự sụp đổ nền văn minh Bà La Môn giáo. Lúc vương triều Angkor suy tàn cũng là lúc Phật giáo Nguyên thủy do người Môn du nhập vào Myanmar và được người Thái truyền bá rộng rãi ở Đông Nam Á lục địa, đã thay thế cho Bà La Môn giáo và Phật giáo Đại thừa vốn đã từng tồn tại suốt hơn chục thế kỷ ở Campuchia. Sứ thần nhà Nguyên là Chu Đạt Quan đã khẳng định sự hưng thịnh của Phật giáo Nguyên thủy ở Chân Lạp vào cuối thế kỷ XIII: “Nước ấy thánh Phật linh thiêng”<sup>(15)</sup>.

Như vậy, từ giữa thế kỷ XIII, đời sống tôn giáo của vương quốc Chân Lạp có sự thay đổi to lớn. Sự thống lĩnh của Phật giáo Đại thừa và Ấn Độ

giáo trong văn hóa tư tưởng của người dân Khmer đã bị thay thế bởi Phật giáo Nguyên thủy. Trong sự thay đổi này, người Thái di cư từ Vân Nam xuống đã đóng góp vai trò không nhỏ. Phật giáo Nguyên thủy dần dần ăn sâu vào tư tưởng của người dân, gạt bỏ mọi tôn giáo khác và trở thành tôn giáo chính thống của người Khmer cho đến ngày nay./.

### CHÚ THÍCH

1. Dẫn theo D. G. E. Hall (1997), *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội: 84.
2. Nath Bose (1927), *Thuộc địa Xiêm của Ấn Độ*, Lahore: 51.
3. D. G. E. Hall (1997), *Lịch sử Đông Nam Á*, sách đã dẫn: 82.
4. Nguyễn Thế Anh (1972), *Lịch sử các quốc gia Đông Nam Á từ Việt Nam (Từ nguyên sơ đến thế kỷ XVI)*, Nxb. Lửa thiêng, Sài Gòn: 73.
5. G. Coedès (2008), *Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông*, Nxb. Thế giới, Hà Nội: 341.
6. Xem Bùi Thị Ánh Vân (2009), “Nét mới trong bức tranh tôn giáo Đông Nam Á thế kỷ XIII”, *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số tháng 5.
7. D. G. E. Hall (1997), *Lịch sử Đông Nam Á*, sách đã dẫn: 203.
8. Xem: Chu Đạt Quan (Hà Văn Tấn dịch, 2006), *Chân Lạp phong thổ ký*, Nxb. Thế giới, Hà Nội: 30 - 31.
9. G. Coedès (1920), *Pour mieux comprendre Angkor*, Chap.VI “Le mystère du Bayon”: 66.
10. D. G. E. Hall (1997), *Lịch sử Đông Nam Á*, sách đã dẫn: 204.
11. G. Coedès (2008), *Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông*, sách đã dẫn: 384.
12. L. A. Xê - đốp (bản dịch của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 1957), *Đế quốc Angkor*, Viện Các Dân tộc Châu Á, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô, Mátxcova: 58.
13. Xem Bùi Thị Ánh Vân (2002), “Nguyên nhân du nhập Phật giáo Tiểu thừa Theravada vào các quốc gia Đông Nam Á lục địa”, *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số tháng 5.
14. Nguyễn Thế Anh (1972), *Lịch sử các quốc gia Đông Nam Á từ Việt Nam (Từ nguyên sơ đến thế kỷ XVI)*, sách đã dẫn: 138.
15. Chu Đạt Quan (Hà Văn Tấn dịch, 2006), *Chân Lạp phong thổ ký*, sách đã dẫn: 55.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thế Anh (1972), *Lịch sử các quốc gia Đông Nam Á từ Việt Nam (Từ nguyên sơ đến thế kỷ XVI)*, Nxb. Lửa thiêng, Sài Gòn.
2. D. G. E. Hall (1997), *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. G. Coedès (1920), *Pour mieux comprendre Angkor*, Chap.VI, “Le mystère du Bayon”.
4. G. Coedès (1953), *Tập san Lịch sử Thế giới*, tập I, số 2, tháng 10.
5. G. Coedès (2008), *Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

6. L. A. Xê - đốp (bản dịch Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 1957), *Đế quốc Angkor*, Viện Các Dân tộc Châu Á, Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô, Mátxcova.
7. Nath Bose (1927), *Thuộc địa Xiêm của Ấn Độ*, Lahore.
8. Chu Đạt Quan (bản dịch Hà Văn Tấn, 2006), *Chân Lạp phong thổ ký*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
9. Bùi Thị Ánh Vân (2002), “Nguyên nhân du nhập Phật giáo Tiểu thừa Theravada vào các quốc gia Đông Nam Á lục địa”, *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số tháng 5.
10. Bùi Thị Ánh Vân (2009), “Nét mới trong bức tranh tôn giáo Đông Nam Á thế kỷ XIII”, *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số tháng 5.

### **CHANGES IN RELIGIOUS LIFE IN CAMBODIA BEFORE AND AFTER THE 13<sup>th</sup> CENTURY**

*Even the early years A.D, the kingdom Temple Tower has deeply influenced rather by Indian culture. Mahayana Buddhism and Hinduism are the two dominant religions in political - cultural life of the Khmer. However, from the thirteenth century, the situation was different. Theravada Buddhism in its own way, has replaced two religions and the role as the state religion in Cambodia from then until now.*

**Key words:** *religious life in Cambodia, Mahayana Buddhism, Theravada Buddhism, Bramanism, Hinduism.*